

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LỘC
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST

Ngày 26 /8 /2020

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Dũng, ông Phạm Ngọc Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Tư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2020 về việc "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2020/QĐST – HNGĐ ngày 03/8/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phạm Doãn H - Sinh năm: 1992.

Trú quán: Thôn T, xã Q, huyện V, tỉnh T.

Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Chị Phạm Thị L – Sinh năm 1993

Trú quán: Thôn L, xã Q, huyện V, tỉnh T.

Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 3 năm 2020, bản tự khai ngày 25/3/2020 và quá trình làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Phạm Doãn H trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Phạm Doãn H và chị Phạm Thị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện V, tỉnh T vào ngày 24/7/2015. Trong quá trình chung sống vợ chồng chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không phù hợp nên vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống cũng như trong công việc làm ăn dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 7 năm 2017 đến nay và vợ chồng sống ly thân nhau từ đó. Nay anh Phạm Doãn H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn chị Phạm Thị L.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Phạm Thị L đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do, không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo nên Tòa án không thu thập được nguyện vọng của chị Phạm Thị L.

Tại Biên bản xác minh ngày 25/6/2020, Công an xã Q, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa nơi chị Lê đăng ký hộ khẩu thường trú cho biết: Chị Phạm Thị L đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã Q, huyện Vĩnh Lộc. Chị L đi làm ăn xa nên hiện nay chị L không có mặt tại địa phương, nhưng chị L vẫn thường xuyên về địa phương và sinh sống ở nhà bố mẹ đẻ là ông Phạm Văn T, bà Chu Thị X tại địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện Vĩnh Lộc. Chị L thuộc đối tượng không phải khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật nên công an xã Q không nắm được hiện tại chị L đang làm gì, ở đâu.

Tại biên bản xác minh ngày 25/6/2020, đối với thân nhân của chị Phạm Thị L là bà Chu Thị X (mẹ đẻ của chị L) cho biết: Chị L và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q vào ngày 24/7/2015, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi. Sau khi cưới vợ chồng anh H, chị L sống chung với gia đình nhà chồng. Quá trình chung sống với nhau anh H và chị L đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, cãi vã lẫn nhau nên chị L đã về nhà bà đẻ ở từ tháng 7/2017 đến nay và vợ chồng chị L, anh H sống ly thân nhau từ đó. Chị L về nhà bố mẹ đẻ ở một thời gian thì chị L xin phép đi Miền Nam làm ăn, nhưng chị L vẫn thường xuyên đi về thăm bố mẹ. Chị L biết việc anh H làm đơn xin ly hôn, chị L cũng đồng ý ly hôn. Vì

công việc nên chị L không về được, nhưng thường xuyên liên lạc với bà. Bà cũng đã nhận được các Giấy triệu tập, Thông báo, Quyết định của Tòa án và đã gọi điện đọc lại cho chị L nghe, bà cũng đã động viên chị L về để giải quyết nhưng chị L cứ nói là công việc bận, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Bà có hỏi địa chỉ thì chị L bảo mẹ con liên lạc với nhau bằng điện thoại là được, nên bà không biết địa chỉ cụ thể của chị L. Nay vợ chồng anh H, chị L đã ly thân nhau, không còn yêu thương nhau nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử cho anh H được ly hôn chị L. Vợ chồng anh H, chị L không có con chung, không có tài sản chung và công nợ chung.

Tại phiên tòa anh Phạm Doãn H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị Phạm Thị L vì anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có, hai người không còn quan tâm, thương yêu nhau nữa.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa như sau:

- Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn của mình và tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ cũng như tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Doãn H, xử cho anh H được ly hôn chị Phạm Thị L.

- Về án phí: Anh Phạm Doãn H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Phạm Doãn H có đơn khởi kiện về việc ly hôn, đối với chị Phạm Thị L có hộ khẩu thường trú tại xã Q, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án: “ Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Phạm Thị L hiện không có mặt tại địa phương, không đến Tòa án làm việc. Kết quả xác minh tại Công an xã Q và thân nhân của chị L, chị L có hộ khẩu thường trú tại địa phương, chị L đi làm ăn ở Miền Nam, nhưng không có địa chỉ cụ

thể, chị L vẫn thường xuyên về quê và ở tại nhà bố mẹ đẻ, chị L đi không khai báo cho chính quyền địa phương biết. Căn cứ vào khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự, điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ – HĐTP, ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì địa chỉ cuối cùng của bị đơn theo hộ khẩu thường trú là thôn L, xã Q, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Phạm Thị L đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Các thủ tục đã được tiến hành đảm bảo theo quy định tại khoản 5 điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị L là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Phạm Doãn H và chị Phạm Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện V, tỉnh T vào ngày 24/7/2015. Xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Doãn H và chị Phạm Thị L là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do tính tình không phù hợp nên vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất từ khi chị L về nhà bố mẹ đẻ ở, từ đó hai người không ai quan tâm đến ai và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 7 năm 2017 đến nay. Anh Phạm Doãn H xét thấy đến nay tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Phạm Thị L không còn nữa nên đề nghị được giải quyết ly hôn với chị L. Quá trình giải quyết vụ án chị L đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án làm việc để trình bày quan điểm cũng như tham gia các phiên hòa giải, điều đó thể hiện chị L không quan tâm đến việc Tòa án đang giải quyết vụ án, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa anh Phạm Doãn H và chị Phạm Thị L đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Phạm Doãn H được ly hôn chị Phạm Thị L là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh Phạm Doãn H và chị Phạm Thị L không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Anh Phạm Doãn H và chị Phạm Thị L không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Phạm Doãn H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 96, khoản 4 Điều 147, khoản 5 Điều 177, điểm e khoản 1 Điều 192, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 40 Bộ luật dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Phạm Doãn H được ly hôn chị Phạm Thị L.

2. Về án phí: Anh Phạm Doãn H phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0004631 ngày 04/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. (Anh H đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm).

Anh Phạm Doãn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Phạm Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- UBND xã Vĩnh Quang – Vĩnh Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hương Giang